

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA VIỄN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hoàng Giáp*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.*

*Ông Hoàng Quốc Trị.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Vợ chồng bà Trịnh Thị Th, sinh năm: 1976 và ông Đoàn Văn N, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: thôn 1 Trinh Phú, xã GTH, huyện GV, tỉnh NB. Ông Đoàn Văn N ủy quyền cho bà Trịnh Thị Th theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2022 tại UBND xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn.*

*- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: thôn Làng, xã GP, huyện GV, tỉnh NB*

Tại phiên tòa vợ chồng ông N, bà Th vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vợ chồng ông Đ, bà L vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vợ chồng ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th trình bày:*

Gia đình ông bà kinh doanh buôn bán thức ăn gia súc, gia cầm ở thôn Trinh Phú, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn. Quá trình buôn bán có bán cám cho gia đình vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L để ông Đ, bà L chăn nuôi lợn, khi bán lợn thì trả tiền cám. Hai bên thỏa thuận tiền mua cám trả chậm tháng nào tính lãi tháng đó với mức lãi suất 1,5%/tháng. Việc mua bán cám trong thời gian dài, chót công nợ đến ngày 22/7/2019 vợ chồng ông Đ, bà L còn nợ vợ chồng ông bà

số tiền mua cám là 3.518.616.000 đồng. Khi ông Đ, bà L không có nhu cầu chăn nuôi, ông bà đã thuê lại trại chăn nuôi của ông Đ bà L với giá 15.000.000 đồng/tháng để trừ vào số tiền nợ; vợ chồng ông bà thuê trại chăn nuôi trong thời gian 25 tháng với tổng số tiền thuê là 375.000.000 đồng; số tiền này được trừ vào tổng số tiền nợ của vợ chồng ông Đ, bà L; đồng thời vợ chồng ông bà cũng giảm tiền lãi cho vợ chồng ông Đ, bà L từ mức 1,5% xuống mức lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc. Tính đến ngày 31/12/2021 số tiền vợ chồng ông Đ, bà L còn nợ vợ chồng ông bà sau khi đã trừ đi số tiền thuê trại chăn nuôi (375.000.000đồng) là 4.055.260.000 đồng, trong đó nợ gốc còn lại 3.143.616.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1% của số tiền còn nợ là 911.644.000 đồng. Do vợ chồng ông Đ, bà L có khó khăn về kinh tế nên ông bà tự nguyện tiếp tục giảm mức lãi suất cho ông Đ, bà L xuống còn 10%/năm; Số tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử 16/8/2022 là 7 tháng 16 ngày, ông bà tính tròn 7 tháng tính lãi, không tính lãi đối với 16 ngày lẻ, do vậy tương ứng số tiền lãi ông Đ bà L phải trả cho ông bà là  $(3.143.616.000đ \times 7 \text{ tháng} \times 10\%/12 \text{ tháng}) = 183.377.600 \text{ đồng}$ .

Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm phải trả tổng số tiền bao gồm cả gốc, lãi tính đến ngày 16/8/2022 là  $(3.143.616.000đ + 911.644.000đ + 183.377.600đ) = \mathbf{4.238.637.600 \text{ đồng}}$ . Ông bà đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà L tiếp tục phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 10% một năm đối với số tiền gốc chưa trả tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết toàn bộ tiền nợ gốc.

\* Tại bản tường trình của ông Nguyễn Văn Đ ngày 17/01/2022 gửi Tòa án trong giai đoạn thực hiện thủ tục hòa giải tại Tòa án do Hòa giải viên thực hiện, ông Đ công nhận tính đến ngày 31/12/2022, vợ chồng ông còn nợ vợ chồng ông N, bà Th số tiền nợ gốc là 3.143.616.000 đồng; nợ lãi với mức lãi suất 1% là 911.644.000 đồng; tại bản tường trình ông Đ trình bày kế hoạch trả nợ khi bán được trang trại sẽ trả tiền nợ ngân hàng và phần còn lại sẽ trả cho vợ chồng ông N, bà Th. Cùng ngày, ông N, bà Th và ông Đ đã cùng với Hòa giải viên tiến hành lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận kéo dài thời hạn hòa giải. Tuy nhiên sau đó nhiều lần Hòa giải viên gửi giấy triệu tập nhưng vợ chồng ông Đ, bà L vắng mặt không có lý do, vì vậy vụ việc đã được chuyển sang thủ tục thụ lý để giải quyết tranh chấp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L; bị đơn ông Đ, bà L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Làng, xã GP, huyện GV, tỉnh NB Tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn Đ1 (bố đẻ ông Nguyễn Văn Đ), ông Đ1 xác định việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông N, bà Th thì vợ chồng ông Đ, bà L có biết. Khi tòa án gửi giấy triệu tập vợ chồng ông Đ biết nhưng không lên Tòa án làm việc vì muốn tự hòa giải; ông Đ, bà L đã nhiều lần gặp vợ chồng ông N, bà Th để bàn phương án giải quyết nợ giữa hai bên nhưng không thành. Do không tự thỏa thuận được với vợ chồng ông N, bà Th nên ngày

10/5/2022 vợ chồng ông Đ, bà L đã đi làm ăn xa; hiện nay vợ chồng ông Đ, bà L đi làm ở đâu bản thân ông Đ1 không biết cụ thể.

Vụ án được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải được do bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L vắng mặt.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 430, 431, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc 3.143.616.000 đồng; nợ lãi là 1.095.021.600 đồng, tính đến ngày 16/8/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 17/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp với bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại: xã GP, huyện GV, tỉnh NB Quá trình tố tụng, vụ việc được chuyển sang thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, tuy nhiên việc hòa giải, đối thoại đã chấm dứt theo khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải Đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 172; Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L. Ông Đ, bà L vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

\* Theo lời trình bày của nguyên đơn; văn bản đối chiếu công nợ ngày 22/7/2019 giữa vợ chồng ông N, bà Th với vợ chồng ông Đ, bà L; bản tường trình của ông Nguyễn Văn Đ ngày 17/01/2022; căn cứ tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với vợ chồng ông Đ Văn N, bà Trịnh Thị Th và hiện còn nợ lại số tiền nợ gốc là 3.143.616.000 đồng. Do vậy vợ chồng ông Đoàn Văn N và bà Trịnh Thị Th yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L cùng có trách nhiệm trả số tiền 3.143.616.000 đồng tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là có căn cứ.

\* Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Hai bên có quan hệ mua bán và có thỏa thuận mức lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán, việc nguyên đơn tự nguyện giảm mức lãi suất chậm thanh toán từ 1,5%/tháng xuống còn 1%/tháng đối với khoảng thời gian từ ngày 22/7/2019 đến 31/12/2021 và tiếp tục giảm mức lãi suất xuống còn 10%/năm kể từ ngày 01/01/2022 là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận. Việc ông Đ, bà L không thanh toán số tiền nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông N, bà Th yêu cầu tính lãi là có căn cứ theo quy định tại các Điều 357, Điều 440 Bộ luật Dân sự; hai bên có thỏa thuận về mức lãi suất phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền lãi tính từ ngày 22/7/2019 đến ngày 31/12/2021 đã được hai bên thống nhất xác định là 911.644.000 đồng nên được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử 16/8/2022: thời gian tính lãi là 7 tháng 16 ngày, ông N, bà Th tự nguyện tính tròn thời gian 7 tháng, không tính lãi đối với 16 ngày là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận, nên số tiền lãi ông Đ, bà L phải trả cho vợ chồng ông N, bà Th là  $(3.143.616.000đ \times 7 \text{ tháng} \times 10\%/12 \text{ tháng}) = 183.377.600 \text{ đồng}$ , cần chấp nhận.

Do hai bên có thỏa thuận trong giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi về việc tính lãi suất, nguyên đơn tự nguyện giảm mức lãi suất cho bị đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đối với số nợ còn lại cho đến khi trả hết số nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

\* Đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mặc dù biết việc khởi kiện của nguyên đơn, được Tòa án thông báo, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, ông Đ, bà L là vợ chồng, cùng thỏa thuận xác lập và thực hiện giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với vợ chồng ông N, bà Th nên là nghĩa vụ chung; căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 288 Bộ luật Dân sự, ông

Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ trả tiền cho ông N, bà Th.

\* Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L còn nợ vợ chồng ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th số tiền nợ gốc 3.143.616.000 đồng, nợ lãi tính đến thời điểm xét xử là (911.644.000 đồng + 183.377.600 đồng) = 1.095.021.600 đồng. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông N, bà Th tổng số tiền 4.238.637.600 đồng, trong đó tiền nợ gốc 3.143.616.000 đồng, nợ lãi 1.095.021.600 đồng; Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm

[3] Về án phí: Ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 430, 431, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn N và bà Trịnh Thị Th

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th số tiền nợ **4.238.637.600 đồng** (*bốn tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng*); trong đó tiền nợ gốc **3.143.616.000 đồng** (*ba tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng*), nợ lãi **1.095.021.600 đồng** (*một tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, không trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/8/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

2. Về án phí: Ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th không phải nộp tiền án phí, trả lại cho ông Đoàn Văn N, bà Trịnh Thị Th số tiền **56.027.000 đồng** (*năm mươi sáu triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã

nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004021 ngày 22/3/2022.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải chịu **112.238.600 đồng** (một trăm mười hai triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

*Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS Gia Viễn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lã Hoàng Giáp**